

Bản án số: 78/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07- 8 - 2018
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thiều
2. Bà Trần Ánh Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2018/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Hồng T, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp PH, xã GB, huyện TB, tỉnh TN (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn P, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp XD, xã TP, huyện GD, tỉnh TN (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của chị Đặng Thị Hồng T trình bày: chị và anh P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện GD ngày 19-02-2004; sau khi cưới chị về sống chung bên chồng, anh P đi làm ruộng còn chị làm công nhân; vợ chồng sống hạnh phúc năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P bỏ nhà đi chung sống với người phụ nữ khác dẫn đến gây gổ nhau thường xuyên, chị bỏ về xã GB, huyện TB sống chung với cha, mẹ ruột đến nay. Chị yêu cầu ly hôn với anh P; con chung có 02 người cháu Phan Văn P, sinh ngày 04-10-2003 và cháu Phan Thị Thảo Q, sinh ngày 29-5-2011 chị yêu cầu được tiếp tục nuôi, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết; tài sản

chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh P vắng mặt không rõ lý do nên không thể hiện yêu cầu.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và chị T thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Riêng anh P không đến Tòa án để lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập là vi phạm quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: chị T và anh P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống anh P bỏ nhà đi chung sống với người phụ nữ khác trong thời gian dài dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cho chị T và anh P ly hôn.

Về con chung: cháu Phan Văn P, sinh ngày 04-10-2003 và cháu Phan Thị Thảo Q, sinh ngày 29-5-2011 hiện đang sống chung với chị T từ năm 2015 cho đến nay; hiện tại các cháu phát triển bình thường về mọi mặt, trong quá trình lấy lời khai các cháu có nguyện vọng được sống chung với chị T; đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu P và cháu Q cho chị T tiếp tục nuôi là có căn cứ phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu đề nghị không giải quyết; anh P có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung chị T không yêu cầu đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: chị T và anh P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP nên được pháp luật thừa nhận hôn nhân hợp pháp; vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do anh P bỏ nhà đi sống chung với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T và anh P ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

[3] Về con chung: cháu Phan Văn P, sinh ngày 04-10-2003 và cháu Phan Thị Thảo Q, sinh ngày 29-5-2011 sống chung với chị T từ năm 2015 cho đến nay, hiện tại các cháu phát triển bình thường về mọi mặt, trong quá trình lấy lời khai các cháu có nguyện vọng được sống chung với chị T, chị T có việc làm và thu nhập ổn định đủ khả năng và điều kiện nuôi các con; tại Tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu P và cháu Q cho chị T được tiếp tục nuôi là có căn cứ phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận; anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung chị T không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về án phí: chị Đặng Thị Hồng T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu khởi kiện của chị Đặng Thị Hồng T; chị Đặng Thị Hồng T được ly hôn với anh Phan Văn P.

2. Về con chung: giao cho chị Đặng Thị Hồng T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu Phan Văn P, sinh ngày 04-10-2003 và cháu Phan Thị Thảo Q, sinh ngày 29-5-2011; cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu giải quyết; anh Phan Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: chị Đặng Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do chị T đã nộp 300.000 theo biên lai thu số 0013122 ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GD (Chị T đã nộp xong)

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN. Riêng anh Phan Văn P vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- CC.THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐK kết hôn;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Phan Thanh Tùng